

A. PHẠM VI ÔN TẬP

I. Kiến thức Đọc – hiểu

1. Các phương thức biểu đạt: tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh, điều hành (hành chính - công vụ)
2. Các biện pháp tu từ từ vựng: so sánh, ẩn dụ, nhân hoá, hoán dụ, nói quá, nói giảm – nói tránh; các biện pháp tu từ cú pháp: điệp (điệp từ, điệp ngữ, điệp cấu trúc ngữ pháp), đối, câu hỏi tu từ,....
3. Các phép liên kết: phép nối, phép phép lặp, phép thế...

II. Kiến thức văn học sử, làm văn và văn bản tác phẩm

1. Khái quát văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX
2. Tác giả Nguyễn Du
3. Truyện Kiều
4. *Trao duyên* (trích *Truyện Kiều* – Nguyễn Du)
5. *Chí khí anh hùng* (trích *Truyện Kiều* – Nguyễn Du)

III. Kỹ năng làm văn

Kiểu bài nghị luận văn học.

B. CẤU TRÚC ĐỀ

Phần I. Đọc – hiểu (3,0 điểm)

HS đọc ngữ liệu văn bản / đoạn văn bản, trả lời các câu hỏi ở các mức độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng thấp, vận dụng cao

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

HS vận dụng kiến thức về tác giả Nguyễn Du, tác phẩm *Truyện Kiều*, hai đoạn trích trong phạm vi ôn tập và kỹ năng nghị luận văn học để viết bài văn nghị luận văn học theo yêu cầu của đề.

C. THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút

D. MỘT SỐ LƯU Ý KHI ÔN TẬP

I. Phần Đọc – hiểu

1. Ngữ liệu

- **Nguồn ngữ liệu:** Ngoài sách giáo khoa

- **Dạng tồn tại của ngữ liệu:** văn bản/đoạn văn bản văn học (thơ, nghị luận...) hoặc văn bản thông tin...

2. Câu hỏi

- Số lượng câu hỏi: 04câu

- Mức độ:

+ Tái hiện/ nhận biết

+ Thông hiểu

+ Vận dụng thấp

+ Vận dụng cao

3. Dạng câu hỏi và cách hỏi

- **Dạng câu hỏi: Nêu, xác định, tìm:.....**

+ Tìm từ ngữ, chi tiết, hình ảnh...

+ Nêu hoặc tóm tắt nội dung chính của văn bản/đoạn văn bản

+ Đặt nhan đề cho văn bản/đoạn văn bản

+ Xác định các phép tu từ /1 dạng của phép tu từ

+ Xác định phương thức biểu đạt chính/các phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản/ đoạn văn bản

- **Dạng câu hỏi : Theo văn bản, theo tác giả**

- **Dạng câu hỏi : Theo anh/ chị,**

- **Dạng câu hỏi : Anh/ chị có đồng tình về..., anh/ chị hiểu như thế nào về....?**

+ Ý nghĩa một vấn đề/ý kiến nêu ra trong văn bản...

+ Bài học rút ra được từ nội dung của văn bản...

+ Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của: các dấu câu, kí hiệu ngôn ngữ

+ Giải thích một từ/ngữ (Hiểu nghĩa của từ)

+ Giải thích một câu (Hiểu nghĩa của câu)...

4. Cách trả lời

- Trả lời trực tiếp câu hỏi

- Tìm từ ngữ chính xác để trả lời (Cần chú ý các từ khóa trong hệ thống câu hỏi)

- Trả lời ngắn gọn, chính xác, đầy đủ.

- Được phép gạch đầu dòng, hoặc viết thành đoạn văn ngắn khoảng 7-10 dòng.

- Tuyệt đối không trả lời lan man, rườm rà, không đúng trọng tâm câu hỏi

II. Phần Làm văn

1. **Kiểu bài:** Nghị luận văn học (đề bài có thể có ý kiến/nhận định)
2. **Yêu cầu: Học sinh**
3. **Câu 2.** Nghị luận văn học (đề bài có thể có ý kiến/nhận định)
4. - **Hình thức: Bài văn nghị luận văn học**
 - + Biết vận dụng kiến thức, kỹ năng để trình bày bài nghị luận văn học hoàn chỉnh, mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài đánh giá được vấn đề.
 - + Với đề bài có ý kiến, nhận định: Học sinh biết giải thích ý kiến/nhận định và phân tích, chứng minh đoạn trích để làm sáng tỏ ý kiến/nhận định.
 - **Phạm vi nghị luận:** vận dụng kiến thức bài Khái quát VHVN trung đại, kiến thức về tác giả Nguyễn Du, tác phẩm *Truyện Kiều*, các trích đoạn văn bản trong phạm vi ôn tập để nghị luận theo yêu cầu của đề.
 - **Thao tác lập luận:** vận dụng hợp lí các thao tác lập luận như thao tác giải thích, chứng minh, phân tích...
 - Diễn đạt trôi chảy, mạch lạc... Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu...

E. ĐỀ MINH HỌA

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT VIỆT ĐỨC

-----***-----

(Đề thi có 02 trang)

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2021 –2022

Môn: Ngữ văn – Lớp 10

Thời gian làm bài: 120 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Những ai tự hào với kết quả công việc của mình và luôn cố gắng tạo ra trải nghiệm ngày càng ý nghĩa hơn cho người thưởng thức là những người luôn thành công trong bất cứ hoàn cảnh nào. Ngay cả một nhân viên phục vụ ở tiệm bán thức ăn nhanh cũng có thể được xem là thành công khi anh ta dốc hết sức mình cho công việc: vừa nhận đơn đặt hàng qua điện thoại, vừa tươi cười với thực khách, vừa nhanh tay đóng gói thực phẩm khách mua về...

Bất cứ việc gì cũng đòi hỏi chúng ta phải thật sự chú tâm, giống như những nghệ sĩ trên sân khấu. Nếu bạn làm vì niềm vui, sự phấn khởi, vì những thử thách mà công việc ấy mang đến cho bạn và lòng tự hào về những gì làm được, bạn sẽ không ngừng phát triển bản thân. Nếu làm việc chỉ vì danh tiếng, tư lợi bạn sẽ dậm chân tại chỗ. Suy cho cùng, sự khen tặng, ái mộ mọi người dành cho bạn rồi cũng tan biến đi

khi cảm giác mới lạ trong họ không còn nữa. Còn nếu bạn muốn lặp lại những việc tương tự chỉ để nhận lấy những lời khen cũ rích thì bạn sẽ chẳng có động lực nội tại nào thúc đẩy bản thân tiến bước xa hơn.

(Trích **10 quy luật cuộc sống** – Dan Sullivan Catherine Nomura, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2019, tr.49-50)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2. Theo đoạn trích, ai sẽ là người luôn thành công trong bất cứ hoàn cảnh nào?

Câu 3. Dựa vào đoạn trích, hãy cho biết những yếu tố tạo nên động lực nội tại để thúc đẩy con người tiến bước xa hơn trong công việc.

Câu 4. Thông điệp nào của đoạn trích có ý nghĩa nhất với anh/chị?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Vẽ đẹp nhân cách của Thúy Kiều và tiếng nói nhân đạo của Nguyễn Du qua 12 câu đầu trong đoạn trích **Trao duyên**:

*Cậy em, em có chịu lời,
Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa.
Giữa đường đứt gánh tương tư,
Keo loan chắp mối tơ thừa mặc em.
Kể từ khi gặp chàng Kim,
Khi ngày quạt ước, khi đêm chén thề.
Sự đâu sóng gió bất kỳ,
Hiều tình khôn lẽ hai bề vẹn hai?
Ngày xuân em hãy còn dài,
Xót tình máu mủ, thay lời nước non.
Chị dù thịt nát xương mòn,
Ngậm cười chín suối hãy còn thơm lây.*

(Trích **Truyện Kiều**, Nguyễn Du, *Ngữ văn 10*, Tập hai, NXB GD, 2012, tr.104)

-----**HẾT**-----